

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **816/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1400/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thanh B**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lại Thành T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh

(bà B và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/11/2017, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Võ Thanh B trình bày: Bà và ông Lại Thành T chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bà

B đã nhiều lần cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lại Thành T.

Về con chung: Bà Võ Thanh B và ông Lại Thành T có 03 con chung tên Lại Thanh N1, sinh ngày: 26/9/2004; Lại Thanh N2, sinh ngày: 11/01/2007 và Lại Minh N3, sinh ngày: 11/01/2007. Hiện trẻ Lại Thanh N1 đang sống với ông T, hai trẻ Lại Thanh N2 và Lại Minh N3 đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Lại Thanh N2 và Lại Minh N3; bà đồng ý giao trẻ Lại Thanh N1 cho ông Lại Thành T tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà B và ông T có 01 căn nhà tại địa chỉ số ấp 3, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Trong đơn khởi kiện bà B có yêu cầu chia đôi căn nhà trên. Tuy nhiên, ngày 02/5/2019 bà Võ Thanh B có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, bà yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà B xác nhận không có.

Bị đơn ông Lại Thành T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp hợp lệ nhưng Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thanh B nộp đơn xin ly hôn đối với ông Lại Thành T. Ông Lại Thành T hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lại Thành T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lại Thành T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Võ Thanh B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Lại Thành T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Võ Thanh B và ông

Lại Thành T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Lại Thành T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Lại Thành T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2000 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thanh B và ông Lại Thành T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà B thì giữa bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thanh B đối với ông Lại Thành T.

[6] Về con chung: Bà Võ Thanh B và ông Lại Thành T có 03 con chung tên Lại Thanh N1, sinh ngày: 26/9/2004; Lại Thanh N2, sinh ngày: 11/01/2007 và Lại Minh N3, sinh ngày: 11/01/2007. Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Lại Thanh N2 và Lại Minh N3; bà B đồng ý giao trẻ Lại Thanh N1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ N1 muốn sống với cha, trẻ Thanh N2 và Minh N3 muốn sống với mẹ. Đồng thời ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về con chung giữa ông và bà B nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà B, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 trẻ Lại Thanh N2 và Lại Minh N3 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Lại Thanh N1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, bà B có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, việc rút đơn này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà B đối với ông T, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác .

[8] Về tài sản chung: Bà B xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà B xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Bà Võ Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 , Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thanh B đối với ông Lại Thành T.

Bà Võ Thanh B được ly hôn với ông Lại Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 1/2000 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Võ Thanh B và ông Lại Thành T có 03 con chung tên Lại Thanh N1, sinh ngày: 26/9/2004; Lại Thanh N2, sinh ngày: 11/01/2007 và Lại Minh N3, sinh ngày: 11/01/2007. Giao 02 trẻ Lại Thanh N2 và Lại Minh N3 cho bà Võ Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 trẻ Thanh N2,

Minh N3 đối với ông Lại Thành T; giao trẻ Lại Thanh N1 cho ông Lại Thành T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thanh Nhi đối với bà Võ Thanh B.

Bà Võ Thanh B và ông Lại Thành T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Đình chỉ xét xử việc giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà B đối với ông T, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác .

4. Về tài sản chung: Bà B xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà B xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Bà Võ Thanh B chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu số 0030876 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà B được nhận lại số tiền chênh lệch là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định